

**TÒA ÁN ND HUYỆN G
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10/02/2023

V/v: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị H

Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Xuân Ngh

2. Bà Trần Thị L- Nguyên cán bộ hội phụ nữ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế C- Thẩm tra viên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G:** Bà Vũ Thị H, Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2022/TLST - HNGĐ ngày 12/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/12/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02a/2023/QĐST- HNGĐ ngày 12/01/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Gi, sinh năm 1996. Có mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi ở hiện nay: Xóm T1, thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Gi trình bày:

Chị kết hôn với anh T vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã có thẩm quyền. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 3 năm 2020 đến nay chị bắt đầu sống ly thân, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định quan hệ tình cảm không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 20/4/2016. Khi ly hôn do con chung còn nhỏ, công việc của anh T là đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà nên chị xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Tòa án cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Gi đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, các giấy triệu tập anh T đến Tòa để viết bản tự khai, lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham

gia phiên hòa giải nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa để làm việc theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án cũng đã ra văn bản yêu cầu anh T cung cấp tài liệu chứng cứ trình bày quan điểm của anh đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Gi, về vấn đề nuôi dưỡng con chung, vấn đề tài sản chung và công nợ nhưng anh T vẫn không có ý kiến, quan điểm gì.

Tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh T sinh sống, lấy lời khai của đại diện gia đình chị Gi và đại diện gia đình anh T đều xác nhận: Chị Gi và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã L, quá trình chung sống cùng nhau chị Gi, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 20/4/2016, chị Gi, anh T có nẩy sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không được, chị Gi, anh T sống ly thân đã lâu.

Tại phiên tòa chị Gi vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh T. Về con chung chị xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Gi được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung cho chị Gi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ không xem xét giải quyết.
3. Về án phí: Chị Gi phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Gi và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

Chị Gi trình bày quá trình chung sống cùng nhau vợ chồng có nẩy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Bản thân chị đã làm đơn xin ly hôn anh T một lần, sau đó chị rút đơn xin ly hôn để vợ chồng có cơ hội về đoàn tụ cùng nhau nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng diễn ra thời gian dài, đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, chị và anh T sống ly thân nhiều năm nay, quan hệ tình cảm không còn.

Xét lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của chị Gi phù hợp với thực tế được địa phương và đại diện gia đình chị Gi, anh T xác nhận. Chị Gi do mâu thuẫn vợ chồng nên đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan hệ tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng

anh T vẫn không đến Tòa làm việc, không trình bày ý kiến quan điểm về việc chị Gi xin ly hôn anh. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không tham gia hòa giải.

Từ những phân tích trên, HĐXX nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng là có thật, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không có biện pháp nào để hòa giải đoàn tụ, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Chị Gi, anh T không còn duy trì mối quan hệ quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau, đơn xin ly hôn của chị Gi là có căn cứ chấp nhận, nên xử cho chị Gi được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Chị Gi, anh T có một con chung là cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 20/4/2016. Khi ly hôn chị Gi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, anh T không có ý kiến trình bày về vấn đề con chung, xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung của chị Gi là chính đáng, hơn nữa cháu L1 hiện nay còn nhỏ, rất cần đến sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Gi, giao con chung cho chị Gi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Chị Gi không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Gi phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Gi được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia L1, sinh ngày 20/4/2016 cho chị Nguyễn Thị Gi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và công nợ*: Không xem xét giải quyết.

- *Án phí*: Chị Nguyễn Thị Gi phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0007073 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS huyện và tỉnh;
- THADS huyện G;
- Đương sự;
- UBND xã L
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị H

